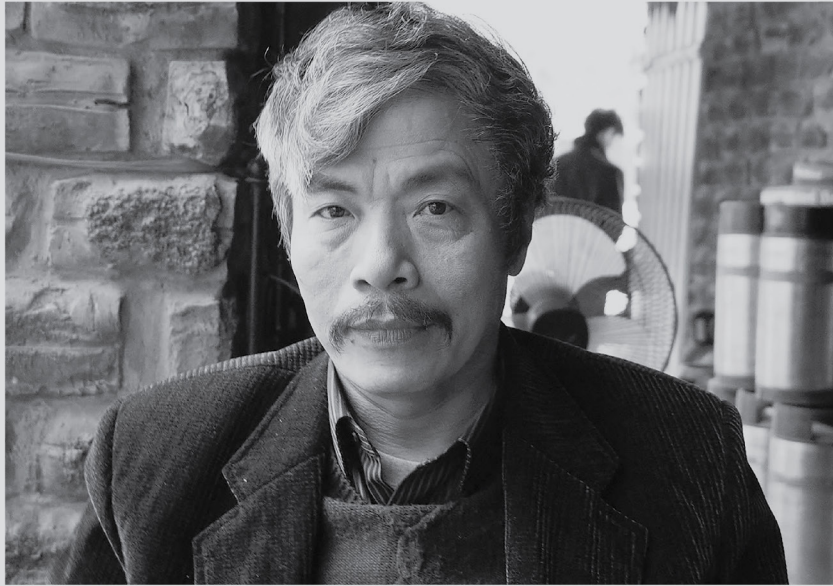


bảo ninh



Ngày trở về

Sau ba mươi tháng tư, chốt trong Tân Sơn Nhất nửa tháng, Tâm nhận nhiệm vụ trở lại Công Tum làm công tác quy tập phần mộ liệt sĩ của sư đoàn. Đầu năm '76 thì giải ngũ, ra Bắc. Bấy giờ chưa có tàu Thống Nhất nên ra theo ô tô của 559, đến Vinh mới lên tàu. Tám năm trước, rời Hà Nội, chẳng đâu, tới Quỳnh Lưu, đơn vị Tâm cũng được ngồi tàu hỏa. Ngày đó, khởi hành, già nửa quân số đoàn tàu là trai thủ đô, giờ đây, từ trên chuyến khứ hồi, chạy dọc miền Bắc lên thấu Lạng Sơn, chực toa xe chật thương binh và lính về vườn, chỉ Tâm, với chỉ đúng một người nữa, lính Khu chín, tay phải cụt tới nách, bước xuống ga Hàng Cỏ.

Nhà ga, nhưng là đồng gạch nát. Mặc dù đã biết về trận bom táng xuống đây hồi cuối năm '72, mà trước thực cảnh vẫn thấy choáng, Tâm phải ngồi lại một lúc trên sân ke, định thần. Khoa, tay lính Khu chín, bảo là hồi nhỏ, con nhà nghèo, thường lần ra đây, sau ga, mót trộm than vụn về đun. Tâm bảo mình cũng vậy, và cả để tắm ké nữa, xả lảng miễn phí nước nóng từ trụ nước của xưởng đề pô.

Ở cửa ga, chia tay. Khoa, nhà ở mạn hồ Ba Mẫu nên rẽ phải, còn Tâm, Hàng Đẫy, rẽ trái.

Ngày đông, mưa phùn, gió bắc nhưng Tâm bỏ mũ cổ ra, mở cúc ngực áo lính, đón nhận căng tràn hương vị của thành phố thân yêu sau bao nhiêu năm rông xa cách. Thân yêu, thân thuộc, mà xiết bao ngỡ ngàng. Là thật sao, mình đang đây, đang bước đi trên vỉa hè đường Nam Bộ? Là thật sao, đây, ngã ba Lý Thường Kiệt, đây, khách sạn Đồng Lợi, phố Lập, bún Sinh, hiệu sách Bình Minh, nhiếp ảnh Ánh Hồng? Thật vậy sao, tàu điện, đang chạy tới kia, dọc phố, trên cặp ray sáng loáng nước mưa? Tiếng chuông tàu điện, tiếng chuông xích lô, chuông xe đạp. Đường phố đông đúc nườm nượp người xe. Râm ran, tiếng nói, tiếng cười. Hà Nội sau thời chinh chiến, lâng lâng rạo rức hạnh phúc hòa bình...

Qua ngã năm Sinh Từ, rồi vừa qua cổng chợ Cửa Nam, Tâm dừng lại bởi nghe thấy tên mình ai đó kêu rú lên gọi. Một người đàn bà từ sau quầy hiệu may nơi mặt tiền nhà cuối phố nhào ra chop lấy quai ba lô của Tâm: “Cháu về đây à, cháu đã về đây à, cháu ơi...” Rồi từ cháu ơi, bà kêu lên, khóc, gọi, Ké ơi, bạn con về rồi đây này, con ơi, mà con thì sao không, không bao giờ nữa, Ké ơi... Tiếng khóc dữ dội, cuồng dại mà như lặng ngắt. Đây là bà mẹ của Ké, bạn cùng trường Bưởi với Tâm. Nhập ngũ trước Ké nên đến lúc này Tâm mới biết Ké cũng đã vào bộ đội... Người trong nhà chạy vội ra đỡ lấy bà mẹ. Tâm thì cứ thần người đứng, không thốt nổi lời nào. Cầm lòng không đậu, cơn thổn thức căm lặng rất bỗng lộng ngực.

Hôm ấy 25 tháng 1, là 25 tháng chạp ta, một chủ nhật lạnh giá, giáp tết Bính Thìn.

Nước mắt ngày gặp mặt trước cửa nhà Ké khiến niềm hạnh phúc như bước hụt, hẫng đi, đã về tới trước cổng nhà mình rồi mà Tâm vẫn chưa lấy lại được nhịp tim và hơi thở. Và bất giác thấy sợ. Chỉ riêng cái biệt thự Tây hai tầng cũ kỹ này,

bảo ninh

chung cư của bảy hộ gia đình, cũng có thể đã góp vào cho cuộc chiến, ngoài Tâm, và Bảo đi bộ đội trước Tâm, chỉ ít hai tay súng nữa, liệu rằng cho đến hôm nay có còn ai nữa không ngoài Tâm trở về? Linh cảm ấy khiến lòng se lại, thật khế Tâm đẩy hé cánh cổng sắt, và nhẹ chân đi ngang qua sân. Buổi trưa, trong giấc thiu thiu, ngôi nhà lạnh như tờ.

Tuy đã được thư Tâm gửi từ Sài Gòn, biết Tâm còn sống, song nghe tiếng chuông, mở cửa, đột ngột con trai đứng đó, bố mẹ Tâm vẫn sống đi. Lặng đi. Không thốt kêu lên. Không reo lên. Tâm ôm lấy mẹ. Mẹ khóc. Rấm rứt, khóc không thành tiếng.

“Con ơi, Bảo nó mất rồi, vừa giấy báo tử tuần trước”, lời đầu tiên mẹ nói với Tâm, là thế.

Tối ấy, mẹ soạn mâm cơm đoàn tụ. Bà nội. Bố mẹ. Anh trai chị dâu, chị gái anh rể, hai đứa em. Cả nhà sum họp, vô hạn mừng vui. Nhưng yên ắng, ai nấy khế tiếng. Cửa sổ khép lại. Đèn chỉ một ngọn. Ngay phòng bên, giáp tường, là tang tóc gia đình Bảo. Còn ở tầng hai, thẳng bên trên là gia đình Hưởng...

Hưởng ít tuổi hơn nên đi bộ đội sau Tâm và Bảo, nhưng Hưởng hơn hai đàn anh là đã học được lên đại học. Đang sinh viên năm thứ ba, Hưởng nhập ngũ, vào binh chủng phòng không. Hy sinh tháng 12 năm 1972, Mặt trận Hà Nội.

Bảo thì nhập ngũ trước Tâm. Là con một, không thuộc diện, song Bảo dăm đơn tình nguyện, nhất quyết đầu quân. Sáu tháng tân binh đóng ở Lương Sơn, Bảo thư từ rất đều, tuần nào cũng một lá. Nhưng từ lên đường đi B thì bất. Bấy nhiêu năm trời, đằng đẳng, bố mẹ Bảo ngóng tin con. Nhất từ sau ba mươi tháng tư, ngày ngày ông bố ra ga Hàng Cỏ, bà mẹ thì bến Kim Liên, đợi Bảo. Cả từ tuần trước, đã giấy báo tử sức về, ông vì ốm quý xuống phải đành buông, mà bà vẫn thế, cả tuần, hàng ngày, lặn lội, khi nhà ga, khi bến xe...

*

* *

Sáng hôm sau, Tâm sang chào bố mẹ Bảo. Thu hết can đảm, ấn chuông. Vậy nhưng, cửa mở, không phải nước mắt và tiếng khóc, mà là bình tĩnh, lời chào đón dịu dàng.

“Kìa, Tâm! Cháu ơi, mừng cháu”. Mẹ Bảo nắm tay Tâm, đưa Tâm vào phòng.

“Vào đi cháu... Cháu về chuyến tàu trưa qua phải không, mà bác ở ngoài ga chẳng thấy cháu”.

“Xem ai đây này, mình”. Bà khẽ gọi.

Chiếc đồng hồ treo tường thông thả đổ chuông. Căn phòng mờ tối và lạnh. Không thoảng mùi khói hương. Ông bố của Bảo tóc bạc trắng, lưng còng còng, ngồi sau bàn, trong chiếc ghế bành cũ kỹ kê bên cửa sổ. Đùi ông phủ tấm chăn chiên, trên tấm chăn, hai bàn tay ông gầy guộc, khô khốc, run rẩy. Đưa tay cho Tâm, ông nhìn Tâm, chăm chăm, mà cái nhìn rỗng không.

“À, Quý... anh tốt nghiệp về rồi đó ư”. Ông nói, phều phào.

Quý là con trai của gia đình ở tầng trên, hiện Quý đang học đại học ở Liên Xô. Mẹ Bảo ra hiệu, ý bảo Tâm đừng cãi chính.

Bà tắt cái máy thu thanh Xiengmao hình hộp cổ lỗ đang rè rè nói năng trên kệ gỗ nơi góc phòng. Bà bày khay ấm tách và một đĩa bánh bích quy lên bàn. Bà rót trà ra tách, mời Tâm, và nâng một tách trao tay chồng. Bà ngồi xuống ghế cạnh ông. Bà hỏi là bên nhà Tâm tết nhất sắp sanh tới đâu rồi. Bà bảo còn bà thì chưa chuẩn bị được gì, vì ở bách hóa và ở ngoài chợ người châu chực mua các thứ tiêu chuẩn tết đang đông quá, xếp hàng dài quá, mà trời thì lạnh quá.

Rồi từ thời tiết chuyển qua sức khỏe, bà hỏi vừa trong kia nóng bức ra gặp rét muốt ngoài đây cháu có bị đột ngột không. Phải cẩn thận, đừng để bị cảm lạnh. Bà bảo hiện đang

bảo ninh

có dịch cúm mùa đông nên ra khỏi nhà cần mặc thật ấm, nhất là nhớ quàng khăn len, giữ kín cổ.

Bà hỏi rằng Tâm về phép hay về hẵn. Dự định thế nào, đi làm hay là đi học...

Chậm rãi, nhẹ nhàng, hỏi han, trò chuyện, giọng bà bình thản, và cả buổi không lời nào bà nhắc chạm tới Bảo. Khi Tâm chào ra về, ở ngưỡng cửa, nhìn ngoài sân mưa rơi, bà nói, thật khẽ:

“Bảo nhà bác lên đường cũng hôm thế này đây, rét mướt, cận tết, mưa phùn, gió bắc”.

Và rồi, thở dài, bà nói:

“Cháu cũng vậy nhỉ, cũng đi vào ngày mưa, nhưng bác nhớ là mùa hạ, lâu sau Bảo nhà bác”.

Mà nay cháu đã đây rồi, sao con trai bác thì lại không, không bao giờ nữa?

Mẹ Bảo không hỏi thế, nhưng Tâm nghe thấy thế, bên trong lời của bà, lời thương đau ấy của bà mẹ anh bạn Kế.

Sau hôm đó, miên man, vô hạn, bao nhiêu tháng ngày, Tâm luôn nghe thấy, cảm thấy câu hỏi ấy, hỏi mà không hỏi ra lời ấy, từ những người mẹ, người vợ, người chị, người yêu, em trai, em gái của anh em bộ đội nhà cùng phố, hoặc khác phố, nhập ngũ cùng Tâm, hoặc trước Tâm, hoặc sau Tâm.

“Anh có hay tin gì của Oanh không anh? Oanh đi bộ đội một lượt với anh mà, phải không? Oanh nhà 47, tóc bò liếm, má phải có cái bớt nhỏ, tròn, màu hồng”.

“Thư cuối anh Thịnh em ở nhà nhận được đúng ngày một tháng một năm bảy hai, anh ấy kể là đang ngang đỉnh Trường Sơn, sắp vào đến Khu Năm rồi. Khu Năm là đâu, bao xa hỏ anh?”

“Từ lên đường năm sáu sáu, ngày tám tháng tám, anh nhà chị thư về cho chị có độc một lá, biên vắn mấy dòng, hẹn ngày hòa bình sẽ sớm về đoàn tụ, mà không biết rằng bởi thế nào, bấy đến giờ...”

Bấy giờ hòa bình đã hơn nửa năm mà suốt dọc hơn trăm số nhà hai bên mặt phố nhà Tâm quân số người trở về sau chiến tranh hình như mới mỗi một. Bước đi trên phố, những ngày ấy, được nhận những lời chào mừng, những cái vẫy tay thân thiết, những nụ cười và có khi cả những bông hoa nữa của bà con hàng phố, Tâm trĩu nặng từng bước chân.

Vì sao lại chính là mình chứ không phải là Kế, là Bảo, là Hưởng, là Oanh, là Thịnh... Biết bao người, chung một vận mệnh, chung một con đường, mà sao chỉ riêng có một thân một mình mình, chẳng bởi cái duyên do gì, hưởng một khác biệt?

*

* *

Ngày ấy, đợt tân binh nhập ngũ đầu xuân '68, sau năm tháng luyện quân trên Yên Tử, được về phép mười lăm ngày trước khi lên đường đi B.

Buổi sáng của ngày phép cuối cùng Tâm qua chào tạm biệt suốt lượt các gia đình hàng xóm. Hôm đó, đúng như mẹ Bảo vẫn còn nhớ, trời mưa tầm tã.

Ông thân của Bảo dạo đấy còn mạnh, chưa hưu trí, lưng chưa còng, tóc chưa bạc. Vốn người nghiêm khắc, ít lời, tâm tính lạnh nhạt, xa cách, mà bữa ấy ông nồng nhiệt tiếp Tâm. Ông chúc mừng Tâm, ông động viên Tâm. Bấy giờ, mùa hè năm đó, Hà Nội đang không ngớt nhận tin vui chiến sự miền Nam, Tổng tấn công và nổi dậy đợt hai tiếp liền đợt một, vậy nên, như là để thôi thúc, để giục giã, động viên gã trai nhà láng giềng sắp lên đường ra trận, ông nói thật nhiều về ngày thắng lợi đã cận kề. Nhưng mẹ Bảo thì khác, chỉ ngồi lặng. Đến lúc Tâm đứng dậy lúng búng cáo từ, bà mới có lời. Bà bảo rằng cháu ơi hai bác nhờ cậy cháu, vào trong chiến địa miền Nam anh em gặp gỡ, cháu gắng ngày ngày để tâm để mắt săn sóc, bảo ban, đùm bọc Bảo, Bảo nhà bác dẫu hơn tuổi cháu,

bảo ninh

bộ đội trước cháu, nhưng mà còn non nớt vụng dại lắm, lại hay ốm vặt, sức lực chẳng bằng ai...

Mất ngủ, bà cúi tay Tâm phong thư cùng một bọc, nặng nặng, cái áo len, hộp sữa đặc, lọ thuốc bổ, gói thuốc cảm, với những gì gì đó nữa, nhờ Tâm đưa vào Nam cho con trai bà. Bà nói, giọng sắp khóc: “Cháu nhắc Bảo chịu khó chăm viết thư, ở nhà thầy mẹ mong lắm lắm”.

Tâm đành dạ, dạ, nhận thư, nhận quà, nhận lời gửi gắm, chứ còn biết nói thế nào, chứ không lẽ chối từ, không lẽ lại thưa với bà mẹ rằng chiến địa là cõi mịt mù, đường chiến trận thì muôn ngả, phận lính thì chim trời cá nước, lênh đênh trôi dạt, làm thế nào mà có thể hữu ý ai gặp được ai...

Hôm ấy, chập tối, thành phố lên đèn, đoàn tàu quân sự rời Hàng Cỏ trong mưa. Chầm chậm, đường phố lùi lại, trôi đi. Khâm Thiên, công viên Thống Nhất... Lính tráng kệ mưa mở toang tấm che cửa sổ, nhiều tay nhào hẳn nửa người ra ngoài. Kim Liên, Bạch Mai, Vọng... Đám đông dồn tụ trước các barie chắn đường tàu vẫy tay, cười reo, la gọi. Nước mắt, nước mưa. Lính trên tàu hét xuống.

Qua khỏi Đuôi Cá, mà hồi đó là khúc chót cùng phố xá, bắt đầu bóng tối mênh mông thăm thẳm của đồng bằng thời gian khổ chiến tranh. Tiếng sấm lặn rền rền trên mây, tiếng mưa rơi ràn rạt mái toa. Trong toa lính tráng lặng dần tiếng ồn ào. Vàng sáng ướt át màu vàng ửng của ánh đèn Hà Nội đêm mưa mờ dần rồi khuất hẳn. Một hồi còi tàu rúc lên, khản đặc...

*

* *

Hồi đó, Mỹ đã buộc phải lùi cuộc Chiến tranh Phá hoại xuống dưới Vĩ tuyến 19, nên quân sĩ đi B được ngồi tàu hỏa tới tận Quỳnh Lưu, ga Cầu Giát, kịch đường, xuống tàu, súng ống trang bị chất trên vai, ngày nghỉ đêm đi, hành quân dọc

qua Khu Bốn tuyến lửa. Tập kết ở binh trạm Cự Nẫm, nghỉ xả hơi hai ngày rồi tách quân, một nửa, B ngắn, bổ sung cho lò lửa Quảng Trị, nửa, quanh sang Lào, nhập đường giao liên 559, đi B dài. Trên hành trình dọc Trường Sơn tiếp tục tách, lần lượt rẽ trái, đoàn vào chiến trường Thừa Thiên, đoàn vào Khu Năm, đoàn vào mặt trận B3, đoàn vào xa nữa tít tấp B2, chiến trường Nam bộ. Trong đoàn rẽ vào B3, tân binh Hà thành chỉ có Tâm và Oanh. Oanh “bò liếm”. Hai thằng nhà cùng phố, học cùng trường, cùng lớp, cùng nhau nhập ngũ, cùng nhau bắt đầu đời lính Tây Nguyên.

Thế nhưng, thật ra, chưa hẳn là đã vào được đến Tây Nguyên. Còn cách Ngã ba Biên giới nửa ngày đường, Oanh nằm lại bên bờ Xi Ca Máng.

Hôm đấy, dùng chân bãi khách, vừa kịp ca công, vừa kịp mắc võng, vừa kịp ngả lưng, thì bom đập xuống rừng. Suốt bốn tháng hành quân dọc Trường Sơn, buổi tối, bãi khách, Oanh và Tâm luôn hố cá nhân cạnh nhau, võng cạnh nhau. Tối ấy cũng thế. Còn điều cuối cùng trong gói Điện Biên cuối cùng, hai thằng nằm đung đưa chuyện tay nhau hút. Không kịp một mảy may phản ứng. Loạt bom tọa độ tuy không táng thẳng vào ngay giữa bãi khách, nhưng sát kê. Tâm ngã đập lưng xuống đất. Không phải sổng nổ hơi bom, mà mảnh bom. Xoẹt đứt dây võng Tâm, mảnh bom ấy, chém xả vào thân võng Oanh...

Oanh mồ côi cha mẹ, từ nhỏ sống với ông bà nội. Bà mất, chỉ còn ông. Ngày Tâm trở về, từ nhà 47 bên kia đường, ông cụ chống gậy sang thăm, mừng Tâm còn sống và hỏi thăm tin tức cháu trai.

“Anh có hay tin gì của Oanh không anh? Oanh đi bộ đội một lượt với anh mà...”

Tâm lặng người, lòng tê điếng, nào biết trả lời thế nào đây hồi trời.

bảo ninh

Mà thực tình Tâm cũng không biết đích xác là thế nào. Hồi ấy, tối ấy, khi được anh em nhắc ra khỏi cái vũng sũng máu, Oanh còn sống. Vẫn tỉnh. Còn bảo, tao chỉ thấy lạnh thôi, chứ không đau, mày đừng lo. Hai thằng rời nhau. Tâm cùng đơn vị rút khỏi bãi khách hành quân đi ngay trong đêm, còn Oanh, tải thương cáng vào y xá của binh trạm cách đó một quãng rừng.

*

* *

Tuy nhiên, mù mờ là ngọn nguồn của hy vọng. Chiến tranh, nỗi niềm bất vô âm tín người thân là lớp tro dày nuôi giấu tàn lửa hy vọng. Hy vọng le lói rồi hy vọng tắt ngóm, rồi lại le lói.

Sự trở về của Tâm, dẫu rằng đơn lẻ, mới chỉ một mình, vẫn đã khơi sáng lên niềm hy vọng ở những gia đình bộ đội mà cho đến khi ấy hơn nửa năm rồi sau chiến tranh còn chưa nhận được tin tức gì của con em mình. Năm xưa, từng bấy con người cùng nhau cất bước, cùng nhau một chuyến xuất hành, giờ đây khi đã có một người trở về, thì ắt rằng những người khác chóng hay chầy cũng sẽ thế, sẽ lần lượt bước xuống từ chuyến khứ hồi. Người ta mong mỗi như vậy, hy vọng như vậy, tựa tựa như một niềm vui.

Bản thân Tâm do được trở về sớm, có lẽ là trong đợt giải ngũ hồi hương sớm nhất toàn quân, nên mang theo trong ba lô rất nhiều thư tay của anh em đồng đội người Hà Nội. Cho nên trong những ngày đầu tiên trở về sau chiến tranh niềm vui lớn nhất của Tâm là đi đưa những lá thư ấy, đem niềm hạnh phúc vô bờ đến cho bao gia đình.

Hơn hai chục lá thư, hơn hai chục địa chỉ, khắp trong thành phố, mà đều là cha Tâm lọc cọc chở Tâm đi. Ông nhất định không để con trai đạp xe đạp tự đi lấy một mình. Hồi đó, Hà Nội đâu có kìn kìn xe cộ như ngày nay. Nhưng ông vẫn sợ, nhỡ ra...

Đưa thư tới các gia đình bộ đội cũng là đi dạo phố. Cha đưa Tâm đi thừa đôi giày ở tiệm giày “chui” ngõ Phất Lộc. Loanh quanh dạo phố, hai cha con đi ăn phở “chui” trên gác xép nhà họ Cồ phố Hàng Đồng, rồi vào cà phê phin, cũng “chui”, trong ngõ Gạch. Tám năm trước, ngay trước ngày nhập ngũ, Tâm cũng được cha đưa đi ăn phở và uống cà phê những chỗ ấy. Ngày đó, chiến tranh, ly biệt, cha Tâm buồn, nặng trĩu nỗi âu lo nên âm thầm. Nhưng nay con trai sống sót trở về mà ông vẫn vậy, ưu tư, mặc dù dĩ nhiên là ông vô hạn mừng vui. Hai cha con lặng lẽ uống cà phê, lặng lẽ dạo phố, lặng lẽ rẽ vào chợ hoa Hàng Lược chọn một cành đào. Cha Tâm tránh, không hề nói gì tới chiến tranh, không đả động hỏi Tâm về trận mạc, tấn công Buôn Ma Thuật thế nào, tiến đánh Sài Gòn ra sao... Ông hiểu tâm trạng con trai đang rất muốn quên đi để được êm ả trong lòng mà đón tết.

Từ năm 1964, hơn mười năm chiến tranh, tới Bính Thìn tết ấy trong gia đình Tâm mới có lại giò hoa thủy tiên, chậu cúc, cành đào. Hai đứa em Tâm cũng đã chuẩn bị sẵn sàng mấy bánh pháo, nhưng giao thừa và cả trong suốt ba ngày tết hai đứa nghe lời cha mẹ, đành nhịn, không đốt. Tiếng pháo quá rộn rã, trong khi biết bao gia đình không thể làm sao rộn rã cho nổi dẫu đã hòa bình rồi.

Từ mùa đông 1946, đằng đằng ba chục năm trời da diết cầu mong tàn cuộc binh lửa, vậy mà Hà Nội đã chào đón mùa xuân hòa bình đầu tiên một cách chùng mịch. Tâm cảm nhận thấy thế. Ở đâu từng bừng hoan hỷ, rầm rộ ăn mừng không biết, chứ ở khắp các ngã phố xá của người bình dân Hà thành, một bầu không khí trầm tư của những nông nỗi mừng vui lẫn lộn. Trầm tư, bởi có biết bao nhiêu là niềm mặc tưởng trong lòng khi mùa xuân tới.

Giao thừa Bính Thìn, tiếng pháo ran lên nhưng nghe hiền hòa và đầm ấm chứ không dữ dội đình tai nhức óc cuồng

bảo ninh



Minh họa: Đặng Xuân Hòa

lên phô trương như tiếng pháo của những cái tết về sau. Vừa già từ vũ khí mà bánh pháo Hà Nội hồi ấy khi lạch tách nổ tỏa mùi thuốc pháo nhà quê Bình Đà hiền lành dễ chịu chứ không nồng nặc mùi thuốc đạn của loại pháo hung tợn những năm sau đó nhập khẩu về.

Có một điều rất lạ, là ca nhạc mừng xuân tết ấy rất êm đềm. Tết ấy là tết hòa bình và cố nhiên là cả tết thống nhất nữa, vậy mà từ các loa phóng thanh của phường phố tới những sân khấu văn nghệ quanh bờ hồ Gươm không nghe vang lừng lên những khúc quân hành. Tung bừng chiến công chiến thắng chỉ có bài *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*, còn thì người ta hát *Nối vòng tay lớn*, nhất là *Bài ca hy vọng*. Cũng rất lạ nữa là các rạp xi nê dịp tết ấy không thấy chiếu những phim anh hùng chiến công này nọ. Ở rạp Kinh Đô gần nhà Tâm đang phải chiếu cái phim *Lửa hận rừng dừa* lèo lẹt và huyền não của Trung Quốc, giáp tết người ta thay bằng phim *Cánh buồm đỏ thắm*. Rạp Tháng Tám và Công Nhân cũng vậy, chiếu bộ phim thơ mộng ấy. Kim Đồng chiếu *Con chim vành khuyên*, tuy là phim thời chiến nhưng ẩn chứa sâu sắc tình yêu hòa bình.

Chiều ba mươi tết, các bạn cũ lớp 10C trường Bưởi đến hội ở nhà Tâm, cơm tất niên cùng gia đình Tâm. Buổi tối cả lớp kéo nhau đi dạo Bờ Hồ. Trước giao thừa, ra hồ Gươm trải hội, đi bộ, ngắm đèn, ngắm người là cái lệ, là nếp quen từ xưa của tuổi trẻ Hà thành. Chìm trong đông đảo nườm nượp, trong trùng điệp tươi vui, tiếng nói, tiếng cười, tiếng hát, Tâm ngây ngất hạnh phúc. Đường như tới buổi tối đó, Tâm mới thực sự thấu cảm niềm hạnh phúc còn sống trở về và được hưởng hòa bình. Tâm như trở lại với thời học trò mười bảy tuổi. Các bạn học quây quần ríu rít quanh Tâm, ai cũng muốn đi sát vào Tâm, khoác tay Tâm. Tâm được thương mến, được hưởng tình thân ái của các bạn còn hơn là hồi đang

đi học với nhau. Sau một vòng quanh hồ, cả hội vào Thủy Tạ giữ hai bàn bên lan can kề mặt nước. Tết, Thủy Tạ mở cửa đến 22 giờ, mà lúc đó đã quá nửa tiếng rồi nhưng do trong nhóm có Lan là con gái của bác chủ hàng trưởng nên được ưu tiên ngồi nán. Dù trời rất lạnh, kem thì tê buốt mà xúm xít với nhau vẫn thấy ấm lòng. Chỉ có điều, tới lúc chia tay để ai nấy về nhà đón giao thừa cùng gia đình thì Lan bật khóc. Nhà của Lan ở đầu Hàng Gai, cách một đoạn, đầu Hàng Cân, là nhà Cường, trưởng lớp 10C. Cường hy sinh ở mặt trận Quảng Trị, năm 1972. Vì ai đó nhắc đến Cường khiến Lan khóc...

Tâm lặng người. Cho đến lúc ấy Tâm mới nhận ra rằng gọi là “cả lớp” hội với nhau ở đây mà thực ra chỉ có 12 “tên”. Và chỉ duy nhất Tâm là con trai. Sĩ số của 10C cho tới ngày thi tốt nghiệp chẵn 40. Mười một nữ, hai mươi chín nam. Tất cả bọn con trai đều đã lần lượt lên đường ra trận. Thế mà bây giờ đây, mỗi một mình Tâm ngồi đây cùng bọn con gái. Tất cả, 28 nam sinh khác đâu hết rồi?

Được sống và hưởng hòa bình là hạnh phúc tột đỉnh đời người song niềm hạnh phúc ấy lại đồng thời là nỗi đau thương tột cùng. Tâm nghĩ về đời mình, về cuộc đời của thế hệ mình như thế, từ buổi tối ấy, khi đoàn tụ sum vầy bên hồ Gươm với phần còn sống sót của lớp học mình ngày xưa.